

BÁO CÁO

**Thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với
biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thực hiện Công văn số 241/UBKHCMNT15 ngày 01/11/2021 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc xây dựng báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết số 236/NQUBKHCMNT15 ngày 30/10/2021 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề. Ngày 06/01/2022, UBND tỉnh Bình Định có Văn bản số 04/BC-UBND Báo cáo phục vụ hoạt động giám sát “Việc thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó biến đổi khí hậu” gửi Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Thực hiện Văn bản số 782/UBKHCMNT15 ngày 02/8/2022 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc giám sát ứng phó với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Định; qua nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tại buổi làm việc ngày 25/8/2022 với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

A. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bình Định là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam, có tổng diện tích tự nhiên 6.025 km², dân số 1,48 triệu người. phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp Biển Đông, cách Thủ đô Hà Nội 1.065 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 686 km, cách thành phố Đà Nẵng 300 km, cách Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y (tỉnh Kon Tum) qua Lào 300 km. Là 1 trong 5 tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (cùng với Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi). Bình Định nằm ở Trung tâm của trục Bắc - Nam (trên cả 4 tuyến Quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt, đường hàng không nội địa và đường biển), là cửa ngõ ra biển gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan (bằng cảng biển quốc tế Quy Nhơn và Quốc lộ 19).

Vùng đất này có sự đan xen của nhiều nền văn hóa. Nơi đây là cố đô của Vương quốc Chăm pa với di tích thành Đồ Bàn (Vijaya) nổi tiếng và 14 tháp Chăm mang phong cách kiến trúc độc đáo, là nơi phát tích của phong trào Tây Sơn gắn với tên tuổi người Anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ; là nơi sản sinh ra môn võ cổ truyền Tây Sơn, quê hương của các loại hình nghệ thuật dân gian nổi tiếng như tuồng, bài chòi (trong đó: Nghệ thuật bài chòi vừa được UNESCO công nhận là

di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại); có nhiều làng nghề truyền thống, nhiều đặc sản với phong cách ẩm thực đặc sắc và các lễ hội được tổ chức hàng năm và cũng là nơi sinh ra, nuôi dưỡng nhiều danh nhân văn hóa lớn như Đào Tấn, Đào Duy Từ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Yên Lan, Hàn Mạc Tử...

Bình Định được thiên nhiên ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều vũng, vịnh, bãi tắm đẹp chạy suốt chiều dài 134 km bờ biển của tỉnh như: Bãi biển Quy Nhơn, Ghềnh Ráng, Quy Hoà, Bãi Dài, bán đảo Phương Mai, đảo Nhơn Châu, đầm Thị Nại, Hải Giang, Nhơn Lý, Eo Gió, Kỳ Co, Phú Hậu, Trung Lương, Vĩnh Hội, Tân Thanh, Mũi Rồng - Tân Phụng, Lộ Diêu... Hầu hết các bãi biển của tỉnh Bình Định đều tương đối bằng phẳng, cát trắng, nước biển trong xanh và có nhiều điểm ngắm cảnh đẹp... tạo nên tiềm năng, lợi thế đặc thù để phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo.

Tỉnh Bình Định có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và 8 huyện: Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, Tây Sơn, Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh.

II. KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Trong 06 tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã dần được kiểm soát trong phạm vi cả nước, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống và sinh hoạt của người dân trở lại trạng thái bình thường. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tập trung quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sâu sát, quyết liệt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo an sinh xã hội,... Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có nhiều dấu hiệu khởi sắc và đạt nhiều kết quả tích cực, khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng 7,01%¹ so với cùng kỳ (cao hơn mức tăng trưởng bình quân cả nước và xếp thứ 03 trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung); trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,17%; công nghiệp và xây dựng tăng 8,28% (riêng công nghiệp tăng 8,88%); dịch vụ tăng 9,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,2%. Các hoạt động văn hoá - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh cơ bản ổn định; quốc phòng - an ninh được giữ vững; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp ngày càng được nâng lên. Kết quả cụ thể như sau:

1. Về phát triển kinh tế

¹ Tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm các năm 2019-2022 lần lượt là: tăng 5,9%; tăng 2,17%; tăng 7,08%; tăng 7,01%.

a) Sản xuất nông, lâm, thủy sản, quản lý tài nguyên, môi trường

Hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vẫn giữ mức tăng trưởng khá trong bối cảnh ảnh hưởng bởi thời tiết diễn biến thất thường cuối tháng 3/2022 và giá vật tư đầu vào tăng cao. Toàn tỉnh đã hoàn thành sản xuất vụ Đông Xuân với năng suất lúa ổn định và duy trì ở mức cao khoảng 70 tạ/ha; đã thực hiện 118 cánh đồng mẫu lớn, diện tích 5.509 ha; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ đạt trên 60% kế hoạch đề ra. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi khép kín, phát huy lợi thế từng địa phương, góp phần đem lại thu nhập khá cho người nông dân, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Công tác xây dựng nông thôn mới được đẩy nhanh tiến độ thực hiện, toàn tỉnh hiện có 05 đơn vị cấp huyện và 83/113 xã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đạt chuẩn nông thôn mới; có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường, sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu tiếp tục quan tâm chỉ đạo.

Tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; tuần tra bảo vệ rừng, ngăn chặn khai thác rừng trái phép. Không xảy ra cháy rừng trên địa bàn tỉnh. Công tác chăm sóc rừng trồng đợt 1/2022, đạt 100% kế hoạch; thực hiện khoán bảo vệ rừng 121.369 ha và khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 377,8 ha; sản xuất được 56,6 triệu cây giống lâm nghiệp các loại.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất cây giống lâm nghiệp công nghệ cao nuôi cây mô. Sản xuất được 11,5 triệu cây giống nuôi cây mô; phát triển trồng rừng gỗ lớn đến nay là 3.175 ha. Rừng được cấp mới chứng chỉ (FSC) là 6.964,22 ha.

Tổng sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 131.430 tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ; trong đó, cá ngừ đại dương ước đạt 7.529 tấn, tăng 9% so với cùng kỳ.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nuôi tôm chất lượng cao, vận động chuyển đổi ao hồ từ quảng canh cải tiến sang thâm canh, bán thâm canh. Diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh là 461,3 ha, quảng canh cải tiến là 1.367,9 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 7.078 tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ; trong đó sản lượng tôm ước đạt 5.470 tấn.

Số lượng tàu thuyền khai thác xa bờ áp dụng công nghệ cao chiếm khoảng 13,8% tổng số lượng tàu thuyền khai thác xa bờ; sản lượng khai thác ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 46,9% tổng sản lượng khai thác. Diện tích nuôi tôm công nghệ cao là 29,5 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 1.010 tấn.

Thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp. Phát hiện và thông báo các tàu cá mất tín hiệu kết nối trên biển; các tàu bị cảnh báo vượt ra ngoài vùng tự do đánh bắt. Tổ chức kiểm tra 1.402 lượt tàu rời cảng, 1.056 lượt tàu cập cảng đạt yêu cầu theo quy định.

Tổ chức kiểm tra an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi sau mùa mưa, lũ năm 2021 đối với 53 hồ chứa. Thực hiện kế hoạch kiên cố hóa kênh mương, kênh

mương nội đồng năm 2022. Tổ chức quản lý vận hành hệ thống đê Đông, đê La Tinh đảm bảo an toàn, tiêu úng, thoát lũ phục vụ sản xuất; kiểm soát hàng lang bảo vệ đê điều và xử lý vi phạm. Triển khai lập Đề án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh; Đề án Giải pháp về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng phía bắc huyện Phù Mỹ. Triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Trước mắt, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn tại 03 nhà máy: Phù Cát, Vĩnh An - Bình Tường và Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

Đầu tháng 4/2022 mưa to, lốc xoáy bất thường làm 13.880 ha lúa chín vụ Đông Xuân đổ ngã, 696 ha lúa sạ vụ Hè và 2.468 ha hoa màu ngập úng; một số cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông sạt lở. Trên biển gió lốc và sóng cao làm vỡ, chìm 91 tàu cá, phương tiện không kịp di chuyển trú, tránh. Tổ chức hỗ trợ kịp thời các gia đình ngư dân có tàu thuyền bị chìm, vỡ; gia đình nông dân có ruộng lúa đang chín, đang sạ bị ngập lụt hư hỏng sớm phục hồi sản xuất.

b) Về công nghiệp, xây dựng

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh duy trì sản xuất ổn định và đạt mức tăng trưởng khá, góp phần quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,17% so với cùng kỳ (riêng quý II tăng 7,55%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,26%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 16,01%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,02%; công nghiệp khai khoáng giảm 29,22%. Trong các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá. Trong đó, chỉ số sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,7%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 17,5%; chế biến thực phẩm tăng 11,1%; sản xuất đồ uống tăng 14,8%;...

Công tác quy hoạch, xây dựng trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh triển khai thực hiện. Đã chỉ đạo xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng các công trình trọng điểm như: Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh; đường vào Sân bay Phù Cát (giai đoạn 2); Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt; Đập dâng Đức Phổ; Tổ hợp không gian khoa học (gồm nhà chiếu hình vũ trụ và bảo tàng khoa học)... Tổ chức khởi công đường kết nối đường ven biển trên địa bàn huyện Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn; đường ven biển đoạn Cát Tiến - Diêm Vân; đập dâng Phú Phong; triển khai công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn qua địa bàn tỉnh)... Công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị tại thành phố Quy Nhơn, các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn... và xây dựng, mở rộng các khu dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo luôn được quan tâm thực hiện.

c) Về thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ từng bước phục hồi, phát triển trở lại sau dịch bệnh Covid-19. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng 14,5% so với cùng kỳ. Hàng hoá phong phú, đa dạng, lưu thông thông suốt, giá cả ổn định, đáp

ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Thương mại miền núi tiếp tục được chú ý quan tâm, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tổ chức phục vụ kịp thời, đáp ứng nhu cầu mua sắm cho đồng bào. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng khá, với kim ngạch đạt 842,9 triệu USD, đạt 62,4% kế hoạch năm, tăng 25,3% so với cùng kỳ. Hàng hoá thông qua cảng biển đạt 7,27 triệu tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ.

Hoạt động du lịch ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ nhờ tác động lan tỏa của những sự kiện, chương trình kích cầu du lịch, với gần 2,27 triệu lượt khách đến với Bình Định, tăng 92,5%; doanh thu du lịch đạt khoảng 4.185 tỷ đồng, tăng 161,1% so với cùng kỳ.

d) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện 7.608,9 tỷ đồng, đạt 67,5% dự toán năm và tăng 16,5% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa (trừ tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại) là 3.555,9 tỷ đồng, đạt 58,8% dự toán năm và tăng 4% so với cùng kỳ. Riêng thu tiền sử dụng đất là 3.399,3 tỷ đồng, đạt 85% dự toán năm, tăng 38,8% so với cùng kỳ. Chi cân đối ngân sách địa phương là 8.120 tỷ đồng, đạt 50% dự toán năm và tăng 2,9% so với cùng kỳ; trong đó, chi thường xuyên là 3.932 tỷ đồng, đạt 49,3% dự toán năm, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Tổng nguồn vốn huy động tại địa phương là 87.600 tỷ đồng, tăng 8,07%; tổng dư nợ là 97.300 tỷ đồng, tăng 7,2% so với cuối năm 2021.

đ) Về đầu tư phát triển:

Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh Bình Định đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 38 dự án với tổng vốn đầu tư trên 8.092 tỷ đồng. Cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với 671 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký khoảng 6.064 tỷ đồng; tăng 22,5% về số doanh nghiệp đăng ký và 19,1% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Trong đó, Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp đã cấp mới 11 dự án với vốn đăng ký hơn 2.114 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp có 405 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 135.839 tỷ đồng, vốn đầu tư thực hiện khoảng 38.459 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 28,4% tổng vốn đăng ký); trong đó, có 39 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với vốn đăng ký 818 triệu USD.

Đến ngày 30/6/2022, giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 3.238 tỷ đồng, đạt 41,03% kế hoạch năm. Trong đó, giải ngân nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương là 1.388 tỷ đồng, đạt 28,07%, vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu là 1.816 tỷ đồng, đạt 74,15%; vốn nước ngoài (ODA) là 18,5 tỷ đồng, đạt 5,34% kế hoạch năm.

2. Về văn hoá - xã hội

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, thông tin - truyền thông, báo chí, phát thanh truyền hình được duy trì phù hợp với tình hình dịch bệnh; đến nay, đã cơ bản trở lại bình thường trong điều kiện mới, đáp ứng các nhu cầu của nhân dân. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên; kết thúc năm học 2021 - 2022, học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 99,98%; học sinh hoàn

thành Chương trình trung học cơ sở đạt tỷ lệ 99,71%. Khoa học - công nghệ được chú trọng, tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2021 ước tính 33,18%. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được đặc biệt quan tâm; toàn tỉnh hiện có 183 đơn vị y tế công lập, 2 bệnh viện đa khoa ngoài công lập và 595 cơ sở hành nghề y, 157 cơ sở hành nghề y dược y học cổ truyền, 886 cơ sở kinh doanh bán buôn, bán lẻ dược phẩm; 4 cơ sở y tế của các bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến hết tháng 6/2022 đạt 93,91%. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm sóc người có công và các đối tượng yếu thế trong xã hội đạt kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn 3,13%, giảm 0,98% so với năm 2020. Đã và đang chỉ đạo UBND tỉnh triển khai kịp thời, hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo chủ trương, chính sách của Trung ương.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 tiếp tục triển khai quyết liệt. Các cấp, các ngành, các địa phương đã triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh linh hoạt, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 128-NQ/CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế; tổ chức tốt chiến dịch tiêm chủng vắc xin... Đến nay, về cơ bản dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát tốt, các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch theo tinh thần Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ; nỗ lực duy trì thành quả phòng, chống dịch hiệu quả, bền vững, không lơ là, chủ quan đối với nguy cơ dịch bệnh.

3. Về cải cách hành chính và xây dựng chính quyền

UBND tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tỉnh giản biên chế công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026. Chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp gắn với vị trí việc làm và tinh giản biên chế; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng; các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; nâng cao thứ bậc xếp hạng các Chỉ số PAPI, PCI, PAR Index và SIPAS của tỉnh². Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước tiếp tục được quan tâm.

4. Quốc phòng, an ninh

Đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm công tác quốc phòng - quân sự địa phương; chỉ đạo có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

² Theo kết quả công bố năm 2021: Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh xếp thứ 11/63 và thuộc nhóm tốt, tăng 26 bậc và 5,14 điểm so với năm 2020; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp vị trí 30/63, tăng 2.73 điểm và tăng 1 bậc so với năm 2020; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) xếp vị trí 23/63, tăng 06 bậc so với năm 2020; Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh xếp thứ 37/63 tỉnh, thành phố; giảm 15 bậc so với năm 2020 (năm 2020: đạt 43.25 điểm, xếp vị trí thứ 22).

Hoạt động nội chính được tăng cường và đạt nhiều kết quả tích cực. Đã triển khai thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và công tác cải cách tư pháp tiếp tục được quan tâm.

5. Tồn tại hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 vẫn còn những tồn tại, hạn chế là:

- Một bộ phận lao động phải nghỉ việc để cách ly y tế gây ra thiếu hụt lao động tạm thời trong các tháng đầu năm; giá cả nguyên, nhiên, vật liệu, xăng dầu tăng cao đã ảnh hưởng đến tốc tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp và công tác thu hút đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

- Các hoạt động giáo dục, văn hoá, thể dục, thể thao, lao động, việc làm... bị tác động bởi dịch Covid-19 trong các tháng đầu năm, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt và thu nhập của người dân. Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 liên nhắc lại đạt thấp.

- Trật tự an toàn xã hội và an ninh nông thôn ở một số địa phương có mặt diễn biến phức tạp.

- Các công trình cơ sở hạ tầng, nhất công trình phòng, chống thiên tai, cấp nước sạch tập trung nông thôn hoạt động kém hiệu quả. Các công trình chưa được quan tâm duy tu bảo dưỡng, qua nhiều năm sử dụng bị hư hỏng, xuống cấp. Năng lực quản lý vận hành, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế. Thời tiết diễn biến phức tạp, nắng hạn kéo dài; mưa lũ bất thường gây nguy cơ mất an toàn công trình và không đảm bảo nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Đợt mưa lớn và lốc xoáy đầu tháng 4/2022 đã làm cho một số diện tích lúa vụ Đông Xuân bị ngã đổ, ngập úng giảm sản lượng lúa; một số tàu thuyền bị chìm, vỡ gây khó khăn trong khai thác thủy sản; ảnh hưởng đến sản xuất.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, tồn tại nêu trên là do những yếu tố khách quan và tình hình dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, một số sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao chưa đồng bộ, phối hợp thiếu chặt chẽ; công tác chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa kịp thời, thiếu tập trung, kiên quyết...

B. VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH

1. Ảnh hưởng thiên tai

Tỉnh Bình Định thường xuyên chịu ảnh hưởng các loại thiên tai chính: bão,

mưa lớn gây lũ lụt, sạt lở núi và hạn hán.

Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 9 - 12. Trung bình mỗi năm chịu tác động trực tiếp của 1 - 2 cơn bão. Khi vào đất liền, bão gây gió mạnh tới cấp 11 - 12. Theo phân vùng của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bão đổ bộ vào Bình Định có thể tới cấp 16. Bão thường gây mưa từ 200 - 300 mm trong 2 - 3 ngày.

Lũ lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 3 - 4 đợt lũ. Lũ chính vụ xuất hiện vào tháng 10, 11. Thời gian mưa gây lũ mỗi đợt thường từ 2 - 3 ngày, có đợt lên đến 5 ngày; tổng lượng mưa từ 200 - 300 mm, có đợt lên đến 400 - 750 mm. Đợt lũ lịch sử từ ngày 14 - 17/11/2013 lượng mưa phổ biến từ 250 - 450mm. Tổng lượng dòng chảy mùa lũ chiếm tới 70% lượng dòng chảy năm.

Khi có tác động của bão mạnh, mưa lớn, lũ lụt thì xảy ra sạt lở núi. Đầu tháng 11/2021 vừa qua, mưa lớn lượng mưa trung bình 652 mm. Trên các vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển trong tỉnh đã sạt lở núi. Sạt lở xảy ra trong đêm tối; gây hư hỏng công trình cơ sở hạ tầng; sập đổ nhà cửa, vùi lấp khu dân cư; làm mất đất sản xuất và gây thiệt hại nghiêm trọng về người và môi trường.

Trong giai đoạn 1999 - 2014, tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng trực tiếp của 10 cơn bão, 368 người chết, 279 người bị thương, gần 7.000 hộ gia đình có nhà bị sập, 56.500 nhà bị hư hỏng, 500 tàu bị chìm và hư hỏng nặng, giá trị thiệt hại 6.600 tỷ đồng.

Năm 2016, các đợt mưa lũ lớn làm 44 người chết; 1.317 nhà sập, hư hỏng; 2.250 ha lúa Mùa đang trổ bị ngập; 18.830 ha lúa Đông Xuân mới gieo sạ bị hỏng; cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước thiệt hại nặng nề, thiệt hại ước tính 2.400 tỷ đồng.

Năm 2017, bão số 12 ảnh hưởng trực tiếp tới Bình Định từ đêm ngày 03/11 gây gió mạnh cấp 10, giật cấp 11 làm 08 tàu hàng/84 thủy thủ tránh bão tại vùng biển Quy Nhơn bị chìm, 2 tàu hàng/24 thủy thủ bị mắc cạn; bão và mưa lũ làm 33 người chết, mất tích; 1.146 nhà sập, hư hỏng; 1.429 ha lúa, 897 ha hoa màu ngập nước, 1.506 ha rừng trồng ngã đổ, 180 ha ruộng sa bồi thủy phá; 24 tàu cá chìm, 27 ha nuôi tôm bị trôi, thiệt hại ước tính 1.154 tỷ đồng.

Năm 2020: Diễn biến thời tiết và thiên tai phức tạp. Nắng nóng, khô hạn kéo dài từ tháng 01 đến đầu tháng 8/2020; nguồn nước trong các hồ chứa giảm nhanh. Nắng nóng, khô hạn buộc phải dừng sản xuất lúa vụ Hè Thu 5.602 ha. Cung cấp nước sạch thiếu hụt, làm cho 159.780 người dân thiếu nước dùng.

Trên biển 14 cơn bão, nhiều đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến ngư dân và hoạt động tàu thuyền; xảy ra 38 vụ tàu thuyền bị nạn với 285 thuyền viên, 09 tàu bị chìm; 27 thuyền viên mất tích, 03 thuyền viên bị chết. Tỉnh Bình Định chịu tác động trực tiếp của 03 cơn bão số 9, 10 và 12 trong tháng 10 và đầu tháng 11 gây mưa lớn, gây nhiều thiệt hại về tài sản của nhân dân. Thiệt hại do thiên tai năm 2020 ước tính 1.043 tỷ đồng.

Năm 2021: 8 tháng đầu năm, lượng mưa đo được 307 mm, đạt 14% TBNN cả

năm, nguồn nước bị thiếu hụt phải dừng sản xuất lúa Hè Thu 1.548 ha; xảy ra 05 vụ cháy rừng, thiệt hại 25,95 ha. Đến cuối tháng 12/2021, số vụ tàu cá bị nạn trên biển 25 vụ/149 thuyền viên, trong đó 03 tàu chìm/8 thuyền viên; 01 thuyền viên chết; 6 thuyền viên mất tích. Cuối năm có 5 đợt lũ do mưa lớn với tổng lượng mưa trung bình tháng 1.147mm; lũ lớn làm 04 người chết, 30 nhà sập và 35.564 nhà ngập nước; mưa lũ gây ra 15 điểm sạt lở núi. Khô hạn, mưa lớn, lũ lụt và sạt lở đất, đá là 4 loại hình thiên tai chính trong năm. Về tài sản, thiệt hại ước tính 343 tỷ đồng.

Ngoài ra, khô hạn xảy ra khi tháng 1 - 8 có lượng mưa ít, thiếu hụt từ 50 - 70% so với lượng mưa trung bình nhiều năm cùng kỳ, nhiệt độ cao, độ ẩm thấp. Hầu hết các lưu vực sông thường xảy ra khô hạn khi nắng nóng kéo dài. Các năm 1983, 1987, từ 1991 - 1993, 1998, 2014 - 2020, hạn hán liên tục xảy ra.

2. Về xu hướng và tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

a) Xu hướng

* Theo báo cáo Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định:

Trong vòng 11 năm (2008 - 2018), nhiệt độ không khí trung bình năm của các trạm tại tỉnh Bình Định có xu thế tăng dần từ 0,0449°C/năm (tại trạm Quy Nhơn), 0,0736°C/năm (tại trạm Hoài Nhơn) đến 0,0815°C/năm tại trạm An Nhơn; biến đổi của số ngày nắng nóng có xu thế tăng. Biến đổi của nhiệt độ không khí tối cao trung bình có xu thế tăng lên theo thời gian, với tốc độ tăng là 0,0073°C/năm tại trạm Quy Nhơn đến 0,085°C/năm tại trạm An Nhơn.

Lượng mưa năm có xu thế giảm theo thời gian, với mức độ giảm mạnh nhất tại trạm An Nhơn (30 mm/năm) và giảm nhẹ nhất tại trạm Hoài Nhơn (17 mm/năm). Biến đổi của lượng mưa 01 ngày lớn nhất trong năm có xu thế tăng lên tại trạm Hoài Nhơn với mức tăng là 13,45 mm/ngày, giảm tại trạm Quy Nhơn và An Nhơn với mức giảm khoảng 2,05 -4,19 mm/ngày. Biến đổi của lượng mưa 5 ngày liên tiếp lớn nhất có xu thế tăng lên hầu hết tại các trạm trên địa bàn tỉnh Bình Định, với tốc độ giảm nhẹ 1,74 mm/5 ngày tại trạm Quy Nhơn đến tăng nhẹ 3,76 tại trạm An Nhơn và tăng mạnh 27,89 mm/5 ngày tại trạm Hoài Nhơn.

Mức độ biến đổi của bão thời kỳ 2008 - 2018, nhìn chung bão ảnh hưởng đến tỉnh Bình Định thấp hơn so với các tỉnh ven biển thuộc miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên, năm 2020 tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng trực tiếp của 3 cơn bão số 9, 10 và 12.

Số trận lũ có xu hướng giảm dần trong thời kỳ 2008 - 2018 (năm 2021 có 5 trận lũ do mưa lớn), với mức độ giảm 0,1182 trận/năm. Đỉnh lũ cao nhất quan sát tại trạm An Hòa có xu thế tăng lên theo thời gian với mức độ 0,0486 m/năm. Tất cả các trạm còn lại, đỉnh lũ cao nhất có xu hướng giảm theo thời gian, với mức độ giảm xê dịch từ 0,0062 m/năm tại trạm Điều Trì đến 0,1381 m/năm tại trạm Vân Canh.

b) Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

Biến đổi khí hậu làm gia tăng cường độ các hiện tượng thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, hạn hán; gió Tây khô nóng xuất hiện sớm và kéo dài.

Tác động của biến đổi khí hậu gây rối loạn chế độ mưa, nguy cơ nắng nóng nhiều hơn, tăng nhiệt độ và bốc hơi, dòng chảy tăng vào mùa lũ và giảm vào mùa cạn gây hạn hán khốc liệt hơn, ảnh hưởng lớn đến đất đai, tài nguyên nước.

Với đặc trưng nhiệt độ trung bình cao, cùng với những đợt nắng nóng có thể lên đến trên 40°C, các hệ sinh thái khu vực đầm và rạn san hô ven biển tỉnh Bình Định có nguy cơ bị suy giảm về mặt đa dạng sinh học.

Hạn hán với nhiệt độ cao cộng với mưa, lũ với cường độ lớn trong thời gian ngắn gây hư hại nặng nề về hạ tầng giao thông cầu, đường, nhà cửa, công trình kiến trúc.

Những biểu hiện chính như thay đổi nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển dâng cùng các hiện tượng cực đoan làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến sinh sản, tăng trưởng của gia súc, gia cầm, cây trồng; ảnh hưởng đáng kể đến các loại hình dịch vụ du lịch.

Ngoài ra, hiện tượng nhiễm mặn ở vùng ven biển đang có xu hướng gia tăng cả về biên độ và cường độ do biến đổi khí hậu. Nhiễm mặn xuất hiện vào mùa khô ở hầu hết tại hạ lưu các dòng sông đổ ra biển như cửa sông Tam Quan, sông Lại Giang và tại các vùng trũng ven các đầm Trà Ổ, Đê Gi, Thị Nại.

II. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2016 - 2021 VÀ CẬP NHẬT ĐẾN 2022

1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016 - 2021, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các chương trình và văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu như sau:

- Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kế hoạch 77-KH/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

- Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện “Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ

môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị”.

- Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 3692/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch 77-KH/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện đề án Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Cập nhật Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành phương án ứng phó thiên tai tỉnh Bình Định năm 2022.

Các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”; Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ

tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo khác của Trung ương.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong thời gian qua, việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án về ứng phó với biến đổi khí hậu cơ bản được triển khai thuận lợi, đúng quy định và kịp thời.

Về hiệu lực thực thi của văn bản: Các chương trình, văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu đã ban hành trên địa bàn tỉnh đã đảm bảo hiệu lực thi hành của văn bản theo quy định.

Về hình thức văn bản: Đảm bảo hình thức theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV của Bộ Nội vụ “Về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính”.

Về nội dung văn bản: Đảm bảo theo nội dung Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai hương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.

Về thẩm quyền ban hành văn bản: Phù hợp theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Việc cụ thể hóa các chương trình hành động, Kế hoạch về Biến đổi khí hậu tại địa phương

Theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, nhiệm vụ sự nghiệp thuộc Hợp phần Ứng phó biến đổi khí hậu trong Chương trình được triển khai trên địa bàn tỉnh Bình Định gồm có 03 nhiệm vụ gồm: i) Đánh giá khí hậu của tỉnh. ii) Xây dựng Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; iii) Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; cơ bản đến nay các nhiệm vụ đã hoàn thành.

a) Khó khăn, vướng mắc

- Việc phân công nhiệm vụ về lĩnh vực biến đổi khí hậu chưa đồng bộ, chưa kịp thời, còn có sự chồng chéo; các tài liệu điều tra cơ bản về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh còn thiếu.

- Lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương và cộng đồng dân cư chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế.

- Nguồn ngân sách tỉnh đầu tư trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế.

b) Nguyên nhân

* Khách quan

Do thực hiện giãn cách xã hội bởi đại dịch Covid-19 nên một số hoạt động triển khai nhiệm vụ trong thời gian qua chậm hơn so với tiến độ đặt ra theo Kế hoạch.

* Chủ quan

- Các quy định về lĩnh vực biến đổi khí hậu chưa rõ ràng.

- Nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực biến đổi khí hậu còn tản mạn, chưa có quy định cụ thể.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2016 – 2021

1. Kết quả thực hiện quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Về tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về ứng phó biến đổi khí hậu:

Hiện trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị có hoạt động liên quan đến công tác ứng phó biến đổi khí hậu là: Sở Tài nguyên và Môi trường (1 chuyên trách, 3 kiêm nhiệm), Sở Nông nghiệp và PTNT (5 chuyên trách Phòng chống thiên tai), Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu (3 chuyên trách, 2 kiêm nhiệm).

Tại tỉnh Bình Định đã thành lập bộ máy tổ chức chỉ đạo, điều phối, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và các chương trình, dự án, hoạt động khác về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Ban chỉ đạo, Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Việc lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu, kết quả giám sát biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/3/2021 về việc thực hiện “Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị”; Quyết

định số 3455/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định.

Nhằm tăng cường lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu và chiến lược, chính sách phát triển của địa phương, tỉnh Bình Định đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tính đến tác động của biến đổi khí hậu; điều chỉnh cơ cấu cây trồng, thời vụ phù hợp với hoàn cảnh biến đổi khí hậu; nghiên cứu bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất. Trong các chương trình, kế hoạch đã nêu rõ những nội dung công việc cần thực hiện cũng như sự tham gia của các cấp, các ngành về sự chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Đã nghiên cứu, lồng ghép tác động của biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai vào Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030; Quy hoạch xây dựng; Quy hoạch xây dựng đô thị; Quy hoạch xây dựng nông thôn; nghiêm túc thực hiện hành lang bảo vệ 134 km bờ biển đã được cắm mốc; đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan điều tra, khảo sát, xác định các điểm có nguy cơ sạt lở trên địa bàn tỉnh, di dời dân ra khỏi các khu vực nguy hiểm.

Việc lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu, kết quả giám sát biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội được thể hiện quan một số hoạt động cụ thể như sau:

Lồng ghép vào công tác phòng ngừa, ứng phó hạn, xâm nhập mặn: triển khai hệ thống tưới tự động, tưới tiết kiệm; tích nước hồ chứa hợp lý, kiểm soát chặt chẽ nguồn nước, chống xâm nhập mặn; kiên cố hóa kênh mương nội đồng; chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng hợp lý với nguồn nước. Xây dựng 149 công trình cấp nước sạch tập trung: 13 công trình cấp nước đô thị công suất 67.000 m³/ngày đêm; 136 công trình cấp nước nông thôn. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,1%.

Thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh. Đến cuối năm 2021, tổ chức xây dựng và nâng cấp 20 công trình cấp nước sạch gồm: 05 công trình thuộc huyện Phù Mỹ; 01 công trình thuộc thị xã Hoài Nhơn; 02 công trình thuộc huyện Phù Cát; 02 công trình thuộc thị xã An Nhơn; 04 công trình thuộc huyện Tuy Phước; 02 công trình thuộc huyện Tây Sơn; 01 công trình thuộc huyện Vĩnh Thạnh; 01 công trình thuộc huyện Hoài Ân và 02 công trình tại huyện An Lão.

Lồng ghép vào công tác phòng ngừa ứng phó bão, ngập lụt: Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 23 công trình hồ chứa thủy lợi; 12 công trình đập dâng, nâng

cao năng lực thoát lũ trên sông; 95 công trình đê kè; 07 trạm bơm; 62 công trình kênh mương; 04 công trình cấp nước sinh hoạt. Trong đó, đáng chú ý là đã đầu tư xây dựng các dự án, công trình lớn, trọng điểm: Hồ chứa nước Đồng Mít; hệ thống kênh tưới Thượng Sơn; đập ngăn mặn trên sông Lại Giang; sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một; dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (WB8); sửa chữa cấp bách hồ chứa; dự án xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn; dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định; Các dự án được nâng cấp góp phần giảm nhẹ thiên tai trong việc điều tiết hợp lý nguồn nước, thông thoáng dòng chảy, giảm ngập cho vùng hạ du.

Từ năm 2020 đến cuối năm 2021 nâng cấp 9 hồ chứa: Núi Miếu, An Tường, Trinh Vân, Hưng Long, Suối Rùn; Cây Me, Hồ Trạch, Suối Mây và Đồng Đèo 2. Lắp đặt 07 thiết bị đo mưa, mực nước cho các hồ chứa thuộc dự án WB8. Nâng cấp 02 kè biển: Nhơn Hải, Nhơn Lý; đê và kè sông Côn, sông Cạn, sông La Tinh, sông Lại Giang; hoàn thành 05 đập dâng: Nha Phu, Bình Thạnh; Đức Phổ, Lão Tâm và đập ngăn mặn sông Lại Giang. Hoàn thành cầu Ngòi thuộc Tuyến ĐT633 Chợ Gồm - Đê Gi. Trên biển 3.158 tàu cá đánh bắt xa bờ được gắn thiết bị giám sát hành trình để định vị, liên lạc trên biển.

Lồng ghép thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (Dự án GEF): Hoàn thành các dự án: “Xây dựng chuỗi liên kết nâng cao hiệu quả sản xuất lạc của vùng sản xuất lạc thích ứng biến đổi khí hậu (Bình Định, Phú Yên và Quảng Trị) nhằm cải thiện sinh kế cho phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số” do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Bình Định thực hiện; “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn (gọi tắt là dự án Vịnh Quy Nhơn)” do Hiệp hội Thủy sản Bình Định thực hiện; Kế hoạch quản lý tổng hợp lũ sông Côn - Hà Thanh.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: (i) “Nghiên cứu thiết lập và đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định”; (ii) “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám và địa kỹ thuật để khoanh vùng và cảnh báo tình trạng trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh Bình Định và đề xuất các giải pháp ứng phó” được Hội đồng tư vấn đánh giá, xếp loại xuất sắc.

Lồng ghép vào công tác xây dựng: Đến năm 2020 hoàn thành 8 dự án tái định cư, trong đó 04 dự án tập trung, 04 dự án xen ghép. Tổng số hộ bố trí ổn định là 859 hộ với 3.463 khẩu. Đang hoàn thiện 05 dự án tái định cư trong năm 2022: tái định cư Bàu Rong, thị xã Hoài Nhơn; tái định cư xã Nhơn Hải (mở rộng), thành phố Quy Nhơn; tái định cư xã Cát Tiến, tái định cư di dời dân vùng sạt lở Núi Gành thôn Đức Phổ, xã Cát Minh, huyện Phù Cát; tái định cư thôn Vinh Quang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

Hoàn thành 09 nhà trú, tránh bão lũ cộng đồng; 10 nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp trú tránh bão lũ; hỗ trợ 740 hộ nghèo xây dựng nhà ở kiên cố; giải quyết

một phần nhà ở trú, tránh mưa lũ, bão cho nhân dân.

Xây dựng các trường học, bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế kiên cố đáp ứng cấp gió bão, phòng lũ (xây dựng 55 trường học THPT đạt chuẩn, 12 nhà hiệu bộ; sửa chữa 543 phòng học, 13 phòng công vụ, 15 phòng thiết bị và công trình phụ trợ bảo đảm công tác dạy và học trong tỉnh; xây dựng hoàn thành các bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế, trạm y tế).

Mở rộng, nâng cấp hệ thống giao thông quốc lộ, tỉnh lộ, các tuyến đường giao thông nông thôn: Hoàn thành nâng cấp Quốc lộ 1A thuộc địa bàn tỉnh; hầm đường bộ qua đèo Cù Mông; Quốc lộ 1D qua thành phố Quy Nhơn. Hoàn thành nâng cấp tuyến từ cảng Quy Nhơn đến Quốc lộ 1 gồm: tuyến Quốc lộ 19B từ sân bay Phù Cát đến Khu kinh tế Nhơn Hội; Quốc lộ 19 mới từ cầu Bà Di đến cầu Nhơn Hội. Hoàn thành đường Tây tỉnh từ Vân Canh đến công viên Long Vân, thành phố Quy Nhơn. Các tuyến đường tỉnh ĐT.639, ĐT.632, ĐT. 629, ĐT.630 được nâng cấp mở rộng.

Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh đã bê tông hóa khoảng 6.440 km/8.050 km đường GTNT (đạt tỷ lệ 80% tổng chiều dài). Hiện 100% số xã ở khu vực nông thôn đã có đường bê tông xi măng đến trung tâm xã. Tại các xã xây dựng nông thôn mới hoàn thành tiêu chí về giao thông.

Lồng ghép vào công tác bảo vệ và phát triển rừng: Trồng được 43.242 ha rừng. Trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 2.198 ha; rừng sản xuất 41.044 ha. Độ che phủ rừng đến nay đạt 56,51%.

Từ năm 2016 đến năm 2021, các chương trình, dự án được lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh là 22 nhiệm vụ với kinh phí 521,3 tỷ đồng và kế hoạch giai đoạn 2021 đến năm 2025 là 12 nhiệm vụ với tổng kinh phí là 451,7 tỷ đồng (có phụ lục kèm theo).

c) Việc giảm phát thải khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, phát triển năng lượng tái tạo; sản xuất và tiêu thụ thân thiện với môi trường; thu hồi năng lượng từ các chất thải của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình.

Theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thì địa bàn tỉnh Bình Định có 18 đơn vị thuộc danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (phụ lục II của Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg);

Tỉnh Bình Định đang triển khai nhiệm vụ “Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Định”, dự kiến hoàn thành Quý IV năm 2023, với mục tiêu kiểm kê phát thải khí nhà, xác định rõ các nguồn phát thải, lượng phát thải làm cơ sở để đưa ra các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường.

Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 3 dự án điện gió đã đi vào vận hành phát điện với tổng công suất 77,4MW; 05 dự án điện mặt trời đã đi vào vận hành

phát điện với tổng công suất là 415,5MWp và 09 nhà máy thủy điện đang vận hành phát điện với tổng công suất là 158,9MW (Số dự án trên chưa tính đến dự án thủy điện An Khê-KaNaK, có cụm đầu mối thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai, chỉ có nhà máy thủy điện An Khê nằm trên địa bàn tỉnh Bình Định với có công suất lắp máy 160MW đang vận hành phát điện). Các nhà máy điện trên địa bàn tỉnh đi vào vận hành phát điện đã góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, giải quyết việc làm cho người lao động và tăng thu ngân sách đáng kể cho địa phương; các dự án sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính. Tuy nhiên, đến nay còn 01 dự án điện gió, công suất 30MW và 01 dự án điện mặt trời giai đoạn 2, công suất 114MWp chưa được đưa vào vận hành phát điện đã gây lãng phí nguồn vốn đầu tư lớn.

d) Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu, xây dựng kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu

Tỉnh Bình Định tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ Giám sát biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định bằng công nghệ viễn thám (Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 20/7/2021) với mục tiêu ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát biến đổi khí hậu, từ đó phân tích các tác động đến nguy cơ xâm nhập mặn, hạn hán và mức ngập do nước biển dâng trên địa bàn tỉnh và lập hệ thống cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu, nhằm giúp chính quyền địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong giai đoạn 2016 đến nay, tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 10/10/2018); Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định (Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020) với mục tiêu cập nhật, đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành, lĩnh vực và địa phương, đồng thời đề xuất các giải pháp ưu tiên ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

đ) Các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt, triển khai thực hiện

Trên địa bàn tỉnh hiện có 22 dự án, nhiệm vụ về biến đổi khí hậu được phê duyệt, triển khai thực hiện (chi tiết tại Phụ lục Bảng 3a). Đến nay, cơ bản các dự án đã hoàn thành, đưa vào vận hành sử dụng như:

Dự án “Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang” với mục tiêu ngăn mặn, giữ ngọt, tạo nguồn cấp nước tưới ổn định cho 900 ha đất nông nghiệp và cấp nước nuôi trồng thủy sản cho 155 ha ở hạ lưu; bổ sung nguồn nước ngầm, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 47.000 người ở khu vực thị trấn Bồng Sơn và các xã Hoài Xuân, Hoài Hương, Hoài Mỹ, Hoài Hải, Hoài Đức thuộc thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; Kết hợp làm cầu giao thông trên mặt đập tạo điều kiện cho nhân dân đi lại và lưu thông hàng hóa, đảm bảo phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn khẩn cấp khi mưa bão xảy ra làm chia cắt cô lập vùng hạ lưu; cải tạo môi trường sinh thái, tạo cảnh quan khu vực.

Dự án “Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định” (Hợp phần BĐKH) đã củng cố, nâng cấp 25,54 km đê và công trình trên đê thuộc hệ thống đê Đông vùng hạ lưu

sông Kôn, sông Hà Thanh nhằm ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, thoát lũ, chống thiên tai gây ra do bão lụt, triều cường, nước dâng, sóng lớn, xói lở ven bờ, giảm ngập lụt cho vùng thượng lưu; Khu vực đầm Thị Nại đã trồng, quản lý và khôi phục được 224,9 ha rừng, bao gồm: trồng mới chăm sóc và bảo vệ được 48,2 ha (gồm 11,6 ha rừng tập trung và 36,6 ha cây trồng phân tán); các dự án khác đã triển khai trồng 81 ha rừng ngập mặn (*Ban Quản lý Khu sinh thái Cồn Chim - Đầm Thị Nại trồng 38 ha, Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định trồng 5 ha, dự án Dịch vụ hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu thành phố Quy Nhơn do Quỹ Rockefeller tài trợ triển khai trồng tiếp 38 ha*); và 95,7 ha rừng hiện có không thực hiện phân khoán chăm sóc, bảo vệ và hỗ trợ quản lý do rừng đã phát triển hết thời kỳ chăm sóc (gồm 65,7 ha rừng tập trung và 30 ha rừng phân tán).

Dự án “Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định” (thuộc Hợp phần Tăng trưởng xanh) đã xây dựng Trạm bơm đảm bảo cấp nước tưới cho 80 ha đất sản xuất nông nghiệp; xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm tại xã Mỹ Tài và xã Mỹ Chánh Tây đảm bảo cấp nước tưới cho 350 ha đất sản xuất nông nghiệp; xây dựng Mô hình hệ thống tưới tiết kiệm cây có múi đảm bảo cấp nước tưới 14,87 ha các loại cây có múi tại huyện Hoài Ân (cây bưởi, mít...).. .

e) Việc phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu

Để thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương về ứng phó với biến đổi khí hậu, Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành Kế hoạch 77-KH/TU ngày 09/7/2020 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

Tỉnh Bình Định đã từng bước được đầu tư, nâng cấp, hoạt động ổn định và thực hiện công tác quan trắc, dự báo và nhận định về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh gồm có hệ thống trạm quan trắc của ngành Khí tượng thủy văn Quốc gia và mạng lưới các trạm quan trắc tự động lượng mưa, mực nước chuyên dùng (cho công tác phòng chống thiên tai, quản lý công trình thủy lợi, thủy điện). Hệ thống trạm quan trắc ngành Khí tượng thủy văn Quốc gia đang vận hành gồm: 01 trạm hải văn Quy Nhơn (tự động), 06 trạm thủy văn (04 tự động gồm trạm An Hòa, Bồng Sơn Vĩnh Hiệp, Bình Nghi và 02 trạm thủy văn thủ công gồm trạm An Lão và Vĩnh Sơn), 07 trạm khí tượng (trạm Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn, Hoài Đức, Phù Mỹ, Tây Thuận, Canh Thuận), 01 trạm cảnh báo dông sét Quy Nhơn, 01 rada thời tiết Quy Nhơn, cùng với 27 trạm quan trắc tự động lượng mưa.

Mạng lưới các trạm quan trắc tự động lượng mưa chuyên dùng hiện có 74 trạm trên các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau: Trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh có 35 trạm/diện tích lưu vực 3.809 km² (mật độ 109 km²/1 trạm);

lưu vực sông La Tinh có 14 trạm/ diện tích lưu vực 780 km² (mật độ 56 km²/1 trạm); lưu vực sông Lại Giang có 22 trạm/ diện tích lưu vực 1.402 km² (mật độ 64 km²/1 trạm), lưu vực đầm Trà Ổ có 02 trạm và 01 trạm ở xã đảo Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn.

Về trạm quan trắc tự động mực nước chuyên dùng hiện có 40 trạm: Trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh có 15 trạm, lưu vực sông La Tinh có 13 trạm, lưu vực sông Lại Giang có 12 trạm. Trong 40 trạm trên, có 21 trạm quan trắc mực nước sông (sông Côn 8 trạm, sông Hà Thanh 4 trạm, sông La Tinh 06 trạm, sông Lại Giang 3 trạm) và 19 trạm quan trắc tự động mực nước hồ chứa.

e) Hợp tác quốc tế về ứng phó biến đổi khí hậu

Từ năm 2016 đến nay, địa bàn tỉnh có 07 dự án hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu (chi tiết tại Phụ lục Bảng 4) với tổng kinh phí 2.629.023.080 đồng, một số dự án sau khi kết thúc, tỉnh Bình Định vẫn tiếp tục có cơ chế để duy trì vận hành khai thác hiệu quả sản phẩm của Dự án như hệ thống đo mưa, mực nước tự động phục vụ cảnh báo lũ sớm của Dự án Giảm thiểu rủi ro ngập lụt cho người dân ở vùng hạ lưu sông Hà Thanh và sông Côn, thành phố Quy Nhơn.

2. Nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Kết quả thực hiện ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Đã ưu tiên bố trí kinh phí vốn đầu tư (vốn ngân sách và vốn viện trợ) cho các chương trình, dự án, đề án cho ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2016 đến 2021 là 353.260.198.880 đồng (phần đã giải ngân), trong đó tổng kinh phí từ ngân sách đã và đang thực hiện chi cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu là 350.631.175.800 đồng.

b) Các nguồn vốn khác cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Một số chương trình, dự án hoạt động với nguồn vốn từ vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ, chi cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2016 đến 2021 là 2.629.023.080 đồng.

3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra, thanh tra, xử phạt vi phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Công tác tuyên truyền thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thời gian qua trên địa bàn tỉnh Bình Định đã đem lại kết quả bước đầu, thu hút được sự quan tâm, chú ý của Nhân dân, làm cho Nhân dân thấy được nguy cơ và tác động xấu của biến đổi khí hậu đối với mọi người dân, doanh nghiệp, công trình, các mặt của cuộc sống trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng cũng như đối với đất nước ta nói chung. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm xây dựng được các chủ trương, chính sách cơ bản để phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên, môi trường trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 phân

công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch 77-KH/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 22/9/2021 về truyền thông phòng, chống thiên tai đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định, đồng thời chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban ngành, Đài Phát thanh và truyền hình Bình Định, Báo Bình Định tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu. Các hoạt động tuyên truyền được thực hiện thường xuyên và thực hiện nhân ngày Khí tượng thế giới, ngày Nước thế giới và ngày Môi trường thế giới, chiến dịch Giờ trái đất. Tổ chức hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật, in áp phích tuyên truyền gửi đến các doanh nghiệp và đăng các bài viết, hình ảnh liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ứng phó biến đổi khí hậu trong bản tin Khu kinh tế, xuất bản định kỳ hàng quý, gửi đến các tổ chức và doanh nghiệp để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, triển khai thực hiện.

b) Công tác kiểm tra, thanh tra, xử phạt vi phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu

Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành liên quan và Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu cùng với công tác khai thác, sử dụng tài nguyên nước và bảo vệ môi trường hàng năm, qua đó đã hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Hành lang an toàn kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn được đảm bảo, không có trường hợp vi phạm; tuy nhiên có 01 trường hợp hộ dân trồng cây bạch đàn ảnh hưởng đến hoạt động của trạm khí tượng Hoài Nhơn đã được phối hợp xử lý.

4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

Việc triển khai các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu có lúc còn lúng túng và bị động.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

b) Nguyên nhân

Các tài liệu điều tra cơ bản về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh còn thiếu; trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bộ máy quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn tuy đã được kiện toàn, nhưng chủ yếu là kiêm nhiệm, còn thiếu về số lượng và chuyên môn; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC BAN HÀNH VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Khái quát những kết quả đạt được

a) Về ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Nhận thức về biến đổi khí hậu đã có những bước chuyển biến tích cực, bước đầu các ngành, các cấp, mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể và người dân đã quan tâm đến biến đổi khí hậu và các tác động của biến đổi khí hậu.

b) Về hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu

Các cơ quan trên địa bàn tỉnh ngày càng chú ý thực hiện chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai đã được tăng cường, phù hợp với bối cảnh và điều kiện của tỉnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu của cả nước và của toàn cầu.

Việc xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, phát triển đô thị, sử dụng tài nguyên, đất đai,.. trên địa bàn tỉnh đều được lồng ghép, xét đến yếu tố tác động của biến đổi khí hậu.

c) Về đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Kết quả triển khai các chương trình, dự án biến đổi khí hậu, trong đó có các dự án về cơ sở hạ tầng đã phát huy tính hiệu quả, tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, ngăn chặn xâm nhập mặn. Đồng thời, việc hình thành đưa vào hoạt động các dự án năng lượng xanh, sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Khái quát các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Về ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Tồn tại, hạn chế: hệ thống chính sách, pháp luật còn chưa được hoàn thiện.

Nguyên nhân: Biến đổi khí hậu là một vấn đề còn tương đối mới và đang diễn biến phức tạp. Đội ngũ cán bộ làm công tác ứng phó biến đổi khí hậu còn hạn chế về chuyên môn và thiếu kinh nghiệm.

b) Về hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tồn tại, hạn chế: Cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu chưa được hoàn chỉnh và thiếu cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu; hệ thống mạng lưới các trạm khí tượng thủy văn, giám sát khí hậu còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu; Sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành có lúc chưa thường xuyên.

Nguyên nhân: thiếu văn bản pháp lý đủ mạnh đảm bảo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể, các địa phương.

c) Về đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Tồn tại, hạn chế: nguồn lực ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế, phân

tán từ nhiều nguồn; kinh phí đầu tư cho việc điều tra cơ bản về ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nguyên nhân: thiếu cơ chế, chính sách để ưu tiên cho các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu.

V. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC BAN HÀNH VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách

Đề nghị Đảng và Nhà nước tiếp tục hoàn thiện các thể chế và chính sách pháp luật liên quan đến việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hoàn thiện và kiện toàn bộ máy làm công tác quản lý Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai từ trung ương tới địa phương.

Có cơ chế chính sách ưu đãi đối với những ngành, lĩnh vực, các tổ chức và cá nhân triển khai các chương trình mục tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai

Có chính sách hỗ trợ các ngành, lĩnh vực và địa phương bị ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

b) Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

Tuyên truyền sâu, rộng đến các cấp, các ngành và nhân dân về tầm quan trọng của công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Cần có sự phối kết hợp đồng bộ giữa Trung ương và địa phương cũng như giữa các cấp, các ngành về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

c) Nhóm giải pháp về nguồn lực

Chú trọng đào tạo cán bộ về lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Cân đối, tăng đầu tư từ ngân sách, kết hợp với đa dạng hóa các nguồn đầu tư trong và ngoài nước, tập trung các nguồn vốn ưu đãi cho các dự án trọng điểm ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Huy động đa dạng các nguồn lực cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Khuyến khích toàn dân tham gia vào công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

2. Đề xuất, kiến nghị

a) Kiến nghị với Chính phủ

Tiếp tục quan tâm đầu tư kinh phí cho việc cập nhật và thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chỉ đạo các Bộ ngành liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung; xem xét, phê duyệt các văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai nhằm đáp ứng công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai trong tình hình hiện nay.

b) Kiến nghị với các Bộ, ngành có liên quan

Quan tâm, tạo điều kiện cho các địa phương được tiếp cận với các chương trình, dự án quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Xây dựng và trình Chính phủ Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, trong đó có các giải pháp quy hoạch đảm bảo chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Thường xuyên mở các lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tại các địa phương.

Tiếp tục quan tâm rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai nhằm đáp ứng công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

(kèm theo các biểu số liệu tại Phụ lục I, Phụ lục II)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I

TÀI LIỆU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT “VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU”

(Kèm theo Văn bản số /BC-UBND ngày /9/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Bảng 1. Các văn bản liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Bảng 2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu

Năm	Cơ quan	Tổng số biên chế	Hoạt động		Trình độ		
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Đại học	Trên đại học	Khác
2016-2021	Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn – Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định	04	01	03	02	02	
2016-2021	Phòng Phòng chống thiên tai - Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định	05	05	-	01	04	
2016-2021	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	5	03	02 ^(*)	02	03	

Ghi chú:

(*) Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định có 02 cán bộ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 01 với chức danh Giám đốc Văn phòng, 01 với chức danh Điều phối viên Văn phòng.

Bảng 3a. Đề án, dự án, nhiệm vụ về biến đổi khí hậu

Năm	Tên Đề án, Dự án/Nhiệm vụ	Kinh phí đầu tư/ Đối ứng (đồng)	Cơ quan quyết định đầu tư; Chủ đầu tư (đầu mối liên hệ)	Đơn vị quản lý	Tình hình thực hiện	Đánh giá hiệu quả/ Đề xuất
2016- 2018	Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại (Dự án từ năm 2013 – 2018)	256.129.910.000	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2016- 2020	Chi nghiệp vụ chuyên môn (Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu)	386.000.000	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2016	Dự án Dịch vụ hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ở thành phố Quy Nhơn (Vốn viện trợ)	357.488.630	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2016	Dự án Giảm thiểu rủi ro ngập lụt cho người dân ở vùng hạ lưu sông Hà Thanh và sông Kôn, thành phố Quy Nhơn (Vốn viện trợ)	376.924.280	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2016- 2017	Cập nhập Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh	748.166.000	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2017	Dự án Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các thành phố dựa vào thiên nhiên – URBAN GreenUP của Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu (Vốn viện trợ)	308.160.547	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2017	Dự án Dịch vụ hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ở thành phố Quy Nhơn (Vốn viện trợ)	170.226.675	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2018	Dự án Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các thành phố dựa vào thiên nhiên – URBAN GreenUP của Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu (Vốn viện trợ)	170.227.223	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2018- 2020	Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang (thuộc Hợp phần BĐKH)	205.024.317.000	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao

Năm	Tên Đề án, Dự án/Nhiệm vụ	Kinh phí đầu tư/ Đối ứng (đồng)	Cơ quan quyết định đầu tư; Chủ đầu tư (đầu mối liên hệ)	Đơn vị quản lý	Tình hình thực hiện	Đánh giá hiệu quả/ Đề xuất
2018- 2020	Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định (thuộc Hợp phần Tăng trưởng xanh)	52.994.430.000	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2019	Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, nội dung: Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định	463.685.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2019	Dự án Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các thành phố dựa vào thiên nhiên – URBAN GreenUP của Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu (Vốn viện trợ)	152.506.007	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2019- 2020	Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của địa phương)	1.169.290.800	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2019- 2021	Dự án “Xây dựng chuỗi liên kết nâng cao hiệu quả sản xuất lạc của vùng sản xuất lạc thích ứng biến đổi khí hậu nhằm cải thiện sinh kế cho phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số tại 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Quảng Trị”	1.049.384.600	Quỹ môi trường toàn cầu (UNDP-GEF/SGP)	UBND tỉnh (Đơn vị thực hiện: Liên hiệp Các Hội KH & KT tỉnh)	Đã kết thúc	Đạt hiệu quả cao
2020	Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2020 trên địa bàn tỉnh	862.034.000	Tỉnh đoàn Bình Định	- UBND tỉnh - Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2020	Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2020	100.000.000	Hội Nông dân tỉnh	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2020	Giáo dục lồng ghép, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch hoạt động, giảng dạy của nhà trường	61.000.000	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2020	Dự án Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các	44.105.118	Văn phòng Điều	UBND tỉnh	Đã thực	Đạt hiệu

Năm	Tên Đề án, Dự án/Nhiệm vụ	Kinh phí đầu tư/ Đối ứng (đồng)	Cơ quan quyết định đầu tư; Chủ đầu tư (đầu mối liên hệ)	Đơn vị quản lý	Tình hình thực hiện	Đánh giá hiệu quả/ Đề xuất
	thành phố dựa vào thiên nhiên – URBAN GreenUP của Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu (Vốn viện trợ)		phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định		hiện	quả cao
2021	Các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	461.000.000	Tỉnh đoàn Bình Định	UBND tỉnh	Đã thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2021	Giáo dục lồng ghép, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch hoạt động, giảng dạy của nhà trường	81.000,000	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đang thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2021	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Định	144.000.000	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đang thực hiện	Đạt hiệu quả cao
2021	Giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định bằng công nghệ viễn thám	180.000.000	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đang thực hiện	Đạt hiệu quả cao
Tổng		521.352.936.880				

Bảng 3b. Danh mục dự án về biến đổi khí hậu đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

Năm	Tên Đề án, Dự án/Nhiệm vụ	Kinh phí đầu tư/ Đối ứng (đồng)	Cơ quan quyết định đầu tư; Chủ đầu tư (Đầu mối liên hệ)	Đơn vị quản lý
2021 -2025	Xây dựng Khu tái định cư di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh, huyện Phù Cát	10.862.000.000	UBND huyện Phù Cát	UBND huyện Phù Cát
2021 -2025	Đường nội bộ và hệ thống thoát nước công trình Khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	2.508.000.000	UBND huyện Phù Mỹ	UBND huyện Phù Mỹ
2021 -2025	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Nhơn Hòa	2.533.000.000	UBND thị xã An Nhơn	UBND thị xã An Nhơn
2021 -2025	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp hư hỏng mái đập hồ Ân Đôn, xã Ân Phong	1.600.000.000	UBND huyện Hoài Ân	UBND huyện Hoài Ân
2021 -2025	Sửa chữa, gia cố đê suối Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát	4.519.000.000	UBND huyện Phù Cát	UBND huyện Phù Cát
2021 -2025	Xây dựng hệ thống kênh điều tiết chống thất thoát nước hồ Mỹ Bình, xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	2.941.000.000	UBND thị xã Hoài Nhơn	UBND thị xã Hoài Nhơn
2021 -2025	Tràn phân lũ phía bờ tả sông An Tượng (phía thượng lưu, vùng tràn Lồ Ổi), thị xã An Nhơn	4.532.000.000	UBND thị xã An Nhơn	UBND thị xã An Nhơn
2021 -2025	Kè ngăn lũ khu dân cư Phú An - Hoài Hương (giai đoạn 2)	2.500.000.000	UBND thị xã Hoài Nhơn	UBND thị xã Hoài Nhơn
2021 -2025	Kè ngăn lũ khu dân cư dọc sông Lại Giang (đoạn thôn Nhuận An Đông), xã Hoài Hương (giai đoạn 1)	1.000.000.000	UBND thị xã Hoài Nhơn	UBND thị xã Hoài Nhơn
2021 -2025	Kè chống xói lở bờ Nam sông Lại Giang (đoạn từ cầu đường sắt đến cầu ông Châu)	7.169.000.000	UBND thị xã Hoài Nhơn	UBND thị xã Hoài Nhơn
2021 -2025	Kè chống sạt lở sông Xưởng	3.000.000.000	UBND thị xã Hoài Nhơn	UBND thị xã Hoài Nhơn
2021 -2025	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	295.000.000.000	UBND tỉnh	Ban quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT

2021-2024	HTKT hai bên sông Hà Thanh (đoạn từ cầu Đôi đến cầu Hoa Lư)	113.545.616.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn.	Ban QLDA Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn
2021 - 2025	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ	40.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài	20.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Cấp nước Bắc huyện Tây Sơn	30.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc huyện Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ	50.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Vân Canh	5.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

			và Vệ sinh môi trường nông thôn	
2021 - 2025	Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	5.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	34.111.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ	40.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
2021 - 2025	Dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ (Đồng Dụ, Hóc Nhạn)	65.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Nhạn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay)	78.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa tại các huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn (Hố Chuối, Hóc Cau, Bè Né, Hóc Sim, Hóc Cau, Hóc Dài)	69.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư:	

			Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Dự án sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	180.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Dự án xử lý cấp bách đê, kè sông Côn	3.220.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Đập dâng Lão Tâm xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	88.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Sửa chữa nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh	140.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Đập dâng Phú Phong huyện Tây Sơn	135.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
2021 - 2025	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	25.000.000.000	Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định; Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	
Tổng	30 Tên Đề án, Dự án/Nhiệm vụ	1.459.040.616.000		

Bảng 3c. Tổng hợp chi phí về biến đổi khí hậu
(Giai đoạn từ năm 2016 – 2021 đã thực hiện)

TT	Nguồn chi	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Ghi chú
1	Ngân sách địa phương	21.423.083.000	21.437.083.000	96.613.000.000	76.040.000.000	76.464.784.000	785.000.000	
2	Ngân sách trung ương	1.680.333.333	1.680.333.333	18.775.000.000	17.742.997.067	17.989.562.067		
3	Vốn viện trợ	665.649.177	478.387.222	170.227.223	152.506.007	568.797.418	524.692.300	
	Tổng cộng	23.769.065.510	23.595.803.555	115.558.227.223	93.935.503.074	95.023.143.485	1.309.692.300	

Bảng 4. Hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Năm	Tên đề án, dự án	Kinh phí đầu tư/dối ứng (đồng)	Cơ quan quyết định đầu tư; chủ đầu tư	Đơn vị quản lý	Tình hình thực hiện	Đánh giá hiệu quả/đề xuất
2016	Dự án Dịch vụ hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ở thành phố Quy Nhơn	357.488.630	UBND tỉnh Bình Định	UBND tỉnh (thực hiện: Văn phòng Điều phối về BĐKH tỉnh Bình Định)	Đã hoàn thành	Đạt hiệu quả tốt
2017		170.226.675				
2016	Dự án Giảm thiểu rủi ro ngập lụt cho người dân ở vùng hạ lưu sông Hà Thanh và sông Kôn, thành phố Quy Nhơn	376.924.280	UBND tỉnh Bình Định	UBND tỉnh	Đã hoàn thành	Đạt hiệu quả tốt
2017	Dự án Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các thành phố dựa vào thiên nhiên – URBAN GreenUP	308.160.547	UBND tỉnh Bình Định	(Đơn vị thực hiện: Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định)	Đã hoàn thành	Đạt hiệu quả tốt
2018		170.227.223				
2019		152.506.007				
2020		44.105.118				
06/2019 - 06/2021	Dự án “Xây dựng chuỗi liên kết nâng cao hiệu quả sản xuất lạc của vùng sản xuất lạc thích ứng biến đổi khí hậu nhằm cải thiện sinh kế cho phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số tại 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Quảng Trị”	1.049.384.600	Quỹ môi trường toàn cầu (UNDP-GEF/SGP)	UBND tỉnh (Đơn vị thực hiện: Liên hiệp Các Hội KH & KT tỉnh)	Đã kết thúc	Đã xây dựng các mô hình thâm canh lạc đạt tiêu chuẩn VietGAP qua 2 vụ ĐX 2019 - 2020 và ĐX 2020 – 2021.
Tổng cộng		2.629.023.080				

Phụ lục II
**GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG QUỐC HỘI**

(Kèm theo Văn bản số /BC-UBND ngày /9/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Người ý kiến	Nội dung	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quang Huân, Ủy viên Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ĐBQH tỉnh Bình Dương, thành viên	Bổ sung các dự án điện mặt trời, điện gió	Đã bổ sung vào báo cáo
		Giải trình về sự thay đổi số tiền đầu tư Dự án Đập ngăn mặn sông Lại Giang; Dự án nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn so với báo cáo năm 2021	Có sự thay đổi số tiền đầu tư so với năm 2021 giải trình theo văn bản số 464/BQL-KTTD ngày 18/8/2022 của Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT về bổ sung nội dung báo cáo giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu
		Bổ sung số liệu về hộ nghèo dân tộc dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu?	Nội dung này xin tiếp thu, tuy nhiên không thuộc nội dung của Đề cương yêu cầu báo cáo và chưa có số liệu điều tra.
		Bổ sung các nội dung kiểm kê khí nhà kính, lượng phát thải, hấp thụ theo các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải,...	Đã bổ sung vào báo cáo
2	Ông Vương Quốc Thắng, Ủy viên Chuyên trách Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, thành viên	Bổ sung việc trồng rừng, duy trì tỷ lệ che phủ rừng	Đã bổ sung vào báo cáo
		Bổ sung hiện trạng xâm nhập mặn	Đã bổ sung vào báo cáo
		Bổ sung việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực	Đã bổ sung vào báo cáo
		Việc tuân thủ chấp hành quy định pháp luật đối với các trường hợp bị thiệt hại do thiên tai	Nội dung này xin tiếp thu, tuy nhiên nội dung này chưa có số liệu điều tra.
3	Ông Trần Văn Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban KH,CN&MT khóa XIV	Phát triển năng lượng tái tạo	Đã bổ sung vào báo cáo
		Phát thải tại khu công nghiệp như thế nào?	Đã bổ sung vào báo cáo
		Lồng ghép BDKH vào PCTT	Đã bổ sung vào báo cáo
		Ý kiến về cơ chế giá, thủ tục cho phép vận hành đối với dự án năng lượng mặt trời, dự án điện gió; việc sử dụng	Nội dung này xin tiếp thu, tuy nhiên thủ tục này thuộc trách nhiệm của

		đất đai dưới chân quạt gió	Bộ Công Thương, kính đề nghị Bộ Công thương có ý kiến.
4	Ông Nguyễn Tuấn Anh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Phó trưởng Đoàn giám sát.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường Thanh kiểm tra hành lang an toàn kỹ thuật các trạm quan trắc Thành lập cơ chế phối hợp liên ngành thực hiện thực hiện công tác ứng phó BĐKH Phân bổ ngân sách cho địa phương có diện tích rừng lớn, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch	Đã bổ sung vào báo cáo
5	Ông Lê Quang Huy Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban KH,CN&MT, Trưởng Đoàn giám sát.	Tích cực xây dựng các chính sách ứng phó BĐKH	Đã bổ sung vào báo cáo
		Thực hiện việc kiểm kê khí nhà kính; lồng ghép kịch bản BĐKH; quan trắc lập cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn;	Đã bổ sung vào báo cáo
		Huy động các nguồn vốn, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích	Đã bổ sung vào báo cáo
		Đề nghị thống nhất các số liệu, hoàn thiện báo cáo	Đã bổ sung vào báo cáo